**Danh sách hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây dựng nhà ở trong năm 2025**
**thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**
*(Kèm theo Quyết định số: 1736/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)*

| STT | Bổ sung Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND huyện Trà Bồng. | Nơi cư trú | Dân tộc | Mã số hộ nghèo 2025 | Nội dung hỗ trợ | | | | | Nhu cầu vay vốn tín dụng | Kết quả bình xét *(Số người đồng ý/tổng số người tham dự)* | Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nhà ở | Đất ở | Đất sản xuất | Chuyển đổi nghề | Nước sinh hoạt phân tán | | | | |
| *1* | | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | |
| 1 | Hồ Chí Chuẩn | N1Đ5 - Gò Rô | Co | 6 | x | | | | | x | 129/148 | x | BS |
| 2 | Hồ Thị Lan | N1Đ5 - Gò Rô | Co | 16 | x | | | | | | 129/148 | x | BS |
| 3 | Hồ Thị Mai Chương | N2Đ5 - Gò Rô | Co | 25 | x | | | | | x | 137/148 | x | BS |
| 4 | Hồ Văn Thuyền | N1Đ2 - Trà Nga | Co | 192 | x | | | | | x | 135/135 | x | BS |
| 5 | Hồ Văn Tý | N1Đ2 - Trà Nga | Co | 188 | x | | | | | x | 124/135 | x | BS |
| 6 | Hồ Văn Đuyên | N2Đ4 - Trà Niu | Co | 286 | x | | | | | x | 134/142 | x | BS |
| 7 | Hồ Văn Lý (Liên) | N1Đ4 - Trà Niu | Co | 250 | x | | | | | x | 125/142 | x | BS |
| 8 | Hồ Văn Đại | N2Đ1 - Trà Nga | Co | 172 | x | | | | | x | 132/135 | x | BS |
| 9 | Hồ Văn Cảnh | N3Đ7 - Hà Riềng | Co | 354 | x | | | | | x | 89/100 | x | BS |
| 10 | Hồ Văn Thuyền | N2Đ5 - Gò Rô | Co | 30 | x | | | | | x | 133/148 | x | BS |
| 11 | Hồ Văn Thu | N3Đ5 - Gò Rô | Co | 54 | x | | | | | x | 139/148 | x | BS |
| 12 | Hồ Thị Hồng | N3Đ1 - Trà Nga | Co | 180 | x | | | | | x | 134/135 | x | BS |
| 13 | Hồ Văn Lương | Tổ 1 - Trà Bung | Co | 372 | x | | | | | x | 141/142 | x | BS |
| 14 | Hồ Thị Thảo | N3Đ1 - Trà Nga | Co | 179 | x | | | | | x | 133/135 | x | BS |
| 15 | Hồ Văn Tiên | N3Đ3 - Trà Niu | Co | 238 | x | | | | | x | 132/142 | x | BS |
| 16 | Hồ Văn Dé (Sỹ) | N3Đ1 - Trà Nga | Co | 178 | x | | | | | x | 131/135 | x | BS |
| 17 | Hồ Thị Thủy | N2Đ2 - Trà Nga | Co | 206 | x | | | | | x | 130/135 | x | BS |
| **Tổng cộng: 17 hộ** | | | | | | | | | | | | | |